



1	Công thức máu	60,000	Tổng quát 1,330,000	Đánh giá tình trạng viêm nhiễm, thiếu máu, bệnh lý về ung thư máu,...
2	Nhóm máu ABO + Rh	70,000		Xác định nhóm máu.
5	TQ, TP, INR + APTT (TCK) + Fibrinogen	180,000		Kiểm tra rối loạn đông máu, nguy cơ chảy máu..viêm nhiễm
6	Tổng phân tích nước tiểu	30,000		Chẩn đoán nhiễm khuẩn đường tiết niệu, rối loạn thận, tiểu đường...
7	Cặn lắng nước tiểu	30,000		
8	Acid Uric	20,000		Chẩn đoán và theo dõi bệnh Gout (thống phong)
*	Chức năng Gan:			
9	- ALT (SGPT)	20,000		Xác định sức khỏe của gan bằng cách đo nồng độ protein, men gan và bilirubin trong máu. Được chia làm các nhóm chính sau: * Nhóm xét nghiệm đánh giá tình trạng hoại tử tế bào gan. * Nhóm xét nghiệm khảo sát chức năng bài tiết và khử độc. * Nhóm xét nghiệm chức năng tổng hợp.
10	- AST (SGOT)	20,000		
11	- Bilirubin, T , D, I	30,000		
12	- GGT	20,000		
13	- ALP	40,000		
14	- Protein Total	25,000		
15	- Albumin	20,000		
16	- Globulin	20,000		
*	Bệnh đái tháo đường			Tầm soát rối loạn đường huyết, theo dõi bệnh lý đái tháo đường..
17	- Đường huyết / glucose (đói)	20,000	Đo đường huyết tại thời điểm tức thì (Thời gian nhịn đói ít nhất từ 8 tiếng trở lên)	
18	- HbA1c (Hemoglobin A1c)	110,000	Tỉ lệ % Hemoglobin bị đường gắn vào, đánh giá đường huyết trong vòng 3 tháng trước thời điểm lấy máu. (Tiêu chuẩn Vàng - liên đoàn đái tháo đường quốc tế)	
*	Mỡ máu - bộ mỡ - Lipid Bilan			
19	- Cholesterol total	20,000	Phát hiện hội chứng rối loạn chuyển hóa Lipid, mỡ tốt - mỡ xấu, nguy cơ xơ vữa động mạch, tăng huyết áp...	
20	- Triglycerides	20,000		
21	- HDL Cholesterol	20,000		
22	- LDL Cholesterol	20,000		
23	- VLDL Cholesterol	20,000		
*	Chức năng Thận:			
24	- Urea	20,000	Đánh giá chức năng thận; nguy cơ sỏi thận; viêm cầu thận, suy thận các cấp độ...	
25	- Creatinin	20,000		
26	- Độ lọc cầu thận (eGFR)	-		
27	Micro Albumin niệu	45,000		
28	- Điện giải đồ /ion đồ (Na,K,Ca,Cl)	80,000	Chẩn đoán sớm biến chứng các bệnh vi mạch, các bệnh về thận Chức năng thận suy giảm gây mất cân bằng các chất điện giải trong cơ thể	
	Virus, Vi khuẩn			
30	- HBsAg (VG B), Anti HBs, Anti HCV (VG C)	290,000	Chẩn đoán nhiễm viêm gan siêu vi B và định lượng kháng thể chống lại virus	
31	- H. Pylori Ab	60,000	Tầm soát vi khuẩn đường ruột HP	
	Tuyến giáp - Cường giáp			
34	- FT3, FT4, TSH	240,000	Kiểm tra rối loạn tuyến giáp, bệnh cường giáp, bệnh Graves (Basedow)	
	Thiếu máu			
36	- Fe (sắt huyết thanh) + Ferritin	180,000	Đánh giá tình trạng thiếu máu, thiếu sắt hoặc các bệnh lý về gan - viêm gan	
	Tim mạch - huyết áp			
37	- LDH	25,000	Kiểm tra tổn thương mô, suy đa tạng, tổn thương: gan-thận-tụy-tất nghẽn phổi	
38	- CRP hs	70,000		
39	- CK-MB	40,000	Đánh giá nguy cơ bị bệnh tim mạch	
40	- Homocysteine	200,000	Chẩn đoán nhồi máu cơ tim, viêm cơ tim, đau thắt ngực Đánh giá nguy cơ đột quỵ, nhồi máu cơ tim... Tình trạng thiếu hụt axit folic, vitamin B6 và B12	
	Ký sinh trùng			
41	Toxocara	95,000	Chuyển sâu * Nam: 2,330,000 * Nữ: 2,470,000	
42	Strongyloides	95,000		
43	Gnathostoma	95,000		
44	Fasciola	95,000		
45	Echinococcus	95,000		
	Tầm soát ung thư sớm			
46	AFP (Alpha-fetoprotein)	100,000	Tầm soát ung thư gan	
47	CEA (Carcinoma Embryonic Antigen)	140,000	Tầm soát ung thư đường tiêu hóa, đại tràng	
48	CA 19.9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	140,000	Tầm soát ung thư mật - tụy	
47	CA 72.4 (Cancer Antigen 72-4)	140,000	Tầm soát ung thư dạ dày	
50	Cyfra 21.1	140,000	Tầm soát ung thư phổi	
51	SCC	160,000	Tầm soát ung thư biểu mô tế bào vảy	
52	TG (Thyroglobulin)	140,000	Tầm soát ung thư tuyến giáp	
53	PSA total	140,000	Tầm soát ung thư tuyến tiền liệt	
53	CA (Cancer Antigen 12-5)	140,000	Tầm soát ung thư buồng trứng	
54	CA (Cancer Antigen 15-3)	140,000	Tầm soát ung thư vú	